

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----*-----

BÁO CÁO

KẾT QUẢ THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2023

PHƯỜNG PHƯƠNG SƠN, THÀNH PHỐ NHA TRANG,
TỈNH KHÁNH HÒA

Phường Sơn, năm 2024

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2023
PHƯỜNG PHƯƠNG SƠN, THÀNH PHỐ NHA TRANG,
TỈNH KHÁNH HÒA

Kính gửi: UBND thành phố Nha Trang

- Căn cứ Luật Đất đai năm 2013.
- Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.
- Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.
- Căn cứ Công văn số 4609/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 10/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường Về việc thực hiện thống kê đất đai năm 2023 và chuẩn bị kiểm kê đất đai năm 2024;
- Căn cứ Quyết định số 2654/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 của UBND thành phố Nha Trang Về việc giao nhiệm vụ thực hiện dự án lập thống kê đất đai năm 2023 của 27 xã, phường và thành phố Nha Trang;
- UBND phường Phương Sơn báo cáo kết quả thống kê đất đai năm 2023 của phường như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

MỤC ĐÍCH, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

I. Mục đích của công tác thống kê đất đai

Đánh giá hiện trạng sử dụng đất và làm cơ sở để quản lý, sử dụng đất đạt hiệu quả.

Cung cấp thông tin, số liệu, tài liệu làm cơ sở để lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm.

Làm cơ sở đề xuất việc điều chỉnh chính sách, pháp luật về đất đai.

Cung cấp số liệu để xây dựng niên giám thống kê các cấp và phục vụ nhu cầu thông tin đất đai cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục và đào tạo và các nhu cầu khác của Nhà nước và xã hội.

II. Yêu cầu

Thống kê đất đai phải thể hiện được các loại đất, đối tượng sử dụng đất, đối tượng quản lý đất được thống kê theo hiện trạng sử dụng tại thời điểm thống kê.

Đánh giá thực trạng sử dụng đất và tình hình biến động đất đai so với kỳ trước; tình hình sử dụng đất theo quyết định được giao đất, được thuê đất, được chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện; các trường hợp đã biến động chưa làm thủ tục hành chính về đất đai theo quy định.

Kết quả thống kê đất đai được thể hiện trong bảng biểu số liệu và chỉnh lý trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã. Việc chỉnh lý vào bản đồ hiện trạng sử dụng đất phải phản ánh đúng với thực tế số liệu thống kê, đảm bảo thống nhất trên bản đồ và ngoài thực địa theo tỷ lệ từng loại bản đồ quy định.

Hồ sơ thống kê đất đai phải đảm bảo đầy đủ về số lượng, tính pháp lý, quy trình quy phạm kỹ thuật; đúng yêu cầu về chất lượng, thời điểm, thời gian giao nộp sản phẩm như quy định.

III. Nội dung và phương pháp thực hiện

1. Nội dung

Thu thập các hồ sơ, tài liệu, số liệu liên quan đến biến động đất đai trong kỳ thống kê đất đai năm 2023.

Điều tra, khoanh vẽ và chỉnh lý các khoanh đất biến động theo các tiêu chí thống kê lên bản đồ khoanh vẽ, tổng hợp diện tích các khoanh đất có biến động, lập bảng liệt kê danh sách các khoanh đất theo quy định tại Phụ lục số

03 kèm theo Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Xử lý, tổng hợp số liệu và lập các biểu thống kê đất đai theo quy định cho đơn vị hành chính cấp xã.

Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, tình hình biến động đất đai trong kỳ thống kê.

Xây dựng báo cáo kết quả thống kê đất đai.

Kiểm tra, hoàn thiện, trình duyệt, in sao và giao nộp báo cáo kết quả thống kê đất đai của địa phương lên cơ quan cấp trên trực tiếp theo quy định tại Điều 5 của Thông tư 27.

2. Phương pháp thực hiện

2.1 Thu thập tài liệu phục vụ công tác thống kê đất đai

Thu thập các hồ sơ, tài liệu liên quan đến biến động đất đai trong kỳ thống kê đất đai năm 2023, bao gồm:

+ Kết quả kiểm kê năm 2019; thống kê đất đai năm 2022 và năm 2021.

+ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

+ Các quyết định, số liệu, hồ sơ về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất của các cơ quan, tổ chức và hộ gia đình, cá nhân.

2.3. Phương pháp điều tra thực địa

Điều tra, khoanh vẽ ngoài thực địa, cập nhật và chỉnh lý các trường hợp biến động về loại đất, đối tượng sử dụng đất; các trường hợp chưa thực hiện theo hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất; các trường hợp đã biến động chưa làm thủ tục hành chính về đất đai theo quy định.

Kết quả tổng hợp các trường hợp biến động đất đai được cập nhật vào Bảng liệt kê danh sách các khoanh đất thống kê của phường. Bản đồ kết quả khoanh đất thống kê đất đai được cập nhật, chỉnh lý theo đúng quy định.

2.3. Phương pháp xử lý số liệu

Quá trình xử lý tổng hợp số liệu thống kê đất đai năm 2023 của phường được thực hiện trên máy tính điện tử bằng phần mềm thống nhất của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trên cơ sở bản đồ kết quả thống kê đất đai đã được cập nhật, chỉnh lý theo đúng quy định; số liệu thống kê đất đai được tổng hợp từ bảng liệt kê danh sách các khoanh đất (phụ lục 03), sử dụng phần mềm thống kê, kiểm kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường để xuất số liệu và in ra các biểu giấy theo quy định, gồm:

+ Tổng hợp số liệu thống kê hiện trạng sử dụng đất gồm các Biểu: 01/TKĐĐ, 02/TKĐĐ, 03/TKĐĐ;

+ Phân tích số liệu thống kê hiện trạng dụng đất và tình hình biến động đất đai của địa phương, lập các Biểu: 12/TKĐĐ, 13/TKĐĐ và 14/TKĐĐ.

PHẦN THỨ HAI

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2023

I. Đánh giá hiện trạng sử dụng đất năm 2023

Tổng diện tích tự nhiên trên toàn phường tính đến ngày 31/12/2023 là 46,45 ha. Trong đó:

- Đất nông nghiệp: 0,66 ha, chiếm 1,43% tổng diện tích đất tự nhiên;
- Đất phi nông nghiệp: 45,44 ha, chiếm 97,82% tổng diện tích đất tự nhiên;
- Đất chưa sử dụng: 0,35 ha, chiếm 0,75% tổng diện tích đất tự nhiên.

1. Hiện trạng theo mục đích sử dụng đất

1.1. Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp là 0,66 ha, chiếm 1,43% diện tích tự nhiên của phường. Toàn bộ diện tích là đất sản xuất nông nghiệp, bao gồm các loại đất sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác: có diện tích 0,36 ha, chiếm 0,76% diện tích tự nhiên của phường.

- Đất trồng cây lâu năm: có diện tích 0,31 ha, chiếm 0,66% diện tích tự nhiên của phường.

1.2. Đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp là 45,44 ha, chiếm 97,82% diện tích tự nhiên của phường, bao gồm các loại đất sau:

a. Đất ở: có diện tích 17,99 ha (*đất ở tại đô thị*), chiếm 38,73% diện tích tự nhiên của phường.

b. Đất chuyên dùng: có diện tích 16,73 ha, chiếm 36,02% diện tích tự nhiên của phường, bao gồm các loại đất sau:

- *Đất xây dựng trụ sở cơ quan:* có diện tích 0,08 ha, chiếm 0,17% diện tích tự nhiên của phường.

- *Đất quốc phòng:* có diện tích 0,12 ha, chiếm 0,25% diện tích tự nhiên của phường.

- *Đất an ninh:* có diện tích 0,02 ha, chiếm 0,04% diện tích tự nhiên của phường.

- *Đất xây dựng công trình sự nghiệp:* có diện tích 1,80 ha, chiếm 3,87% diện tích tự nhiên của phường, trong đó:

+ Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: có diện tích 0,31 ha.

- + Đất xây dựng cơ sở văn hóa: có diện tích 0,05 ha.
- + Đất xây dựng cơ sở y tế: có diện tích 0,11 ha.
- + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: có diện tích 1,34 ha.
- *Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp*: có diện tích 2,86 ha, chiếm 6,15% diện tích tự nhiên của phường, trong đó:
 - + Đất thương mại, dịch vụ: có diện tích 2,50 ha.
 - + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: có diện tích 0,36 ha.
- *Đất có mục đích công cộng*: có diện tích 11,87 ha, chiếm 25,55% diện tích tự nhiên của phường, trong đó:
 - + Đất giao thông: có diện tích 8,95 ha.
 - + Đất danh lam thắng cảnh: có diện tích 2,31 ha.
 - + Đất sinh hoạt cộng đồng: có diện tích 0,02 ha.
 - + Đất chợ: có diện tích 0,59 ha.

c. Đất cơ sở tôn giáo: có diện tích 9,67 ha, chiếm 20,82% diện tích tự nhiên của phường.

d. Đất cơ sở tín ngưỡng: có diện tích 0,26 ha, chiếm 0,56% diện tích tự nhiên của phường.

e. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: có diện tích 0,79 ha, chiếm 1,69% diện tích tự nhiên của phường.

1.3. Đất chưa sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng là 0,35 ha, chiếm 0,75% diện tích tự nhiên của phường, bao gồm các loại đất sau:

a. Đất bằng chưa sử dụng: có diện tích 0,07 ha, chiếm 0,16% diện tích tự nhiên của phường.

b. Đất đồi núi chưa sử dụng: có diện tích 0,27 ha, chiếm 0,59% diện tích tự nhiên của phường.

2. Hiện trạng theo đối tượng sử dụng

Tổng diện tích các đối tượng sử dụng có diện tích 36,37 ha chiếm 78,29% diện tích tự nhiên của phường, trong đó:

2.1. Hộ gia đình, cá nhân trong nước

Hộ gia đình, cá nhân trong nước đang sử dụng 18,99 ha, chiếm 40,89% diện tích tự nhiên của phường, bao gồm các loại đất sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác có diện tích 0,36 ha, chiếm 100% diện tích đất trồng cây hàng năm khác của phường.

- Đất trồng cây lâu năm có diện tích 0,31 ha, chiếm 100% diện tích đất trồng cây lâu năm của phường.

- Đất ở tại đô thị có diện tích 17,99 ha, chiếm 100% diện tích đất ở tại đô thị của phường.

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp có diện tích 0,34 ha, chiếm 11,91% diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp của phường.

2.2. Tổ chức trong nước

Tổ chức trong nước đang sử dụng 7,44 ha, chiếm 16,02% diện tích tự nhiên của phường, trong đó:

- **Tổ chức kinh tế:** được giao sử dụng 2,52 ha (*đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp*), chiếm 5,42% diện tích tự nhiên và chiếm 88,09% diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp của phường.

- **Cơ quan đơn vị của Nhà nước:** được giao sử dụng 0,82 ha, chiếm 1,76% diện tích tự nhiên của phường, bao gồm các loại đất sau:

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan có diện tích 0,08 ha, chiếm 100% diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan của phường.

+ Đất quốc phòng có diện tích 0,12 ha, chiếm 100% diện tích đất quốc phòng của phường.

+ Đất an ninh có diện tích 0,02 ha, chiếm 100% diện tích đất an ninh của phường.

+ Đất có mục đích công cộng có diện tích 0,60 ha, chiếm 5,10% diện tích đất có mục đích công cộng của phường.

- **Tổ chức sự nghiệp công lập:** được giao sử dụng 4,11 ha, chiếm 8,84% diện tích tự nhiên của phường, bao gồm các loại đất sau:

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp có diện tích 1,80 ha, chiếm 100% diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp của phường.

+ Đất có mục đích công cộng có diện tích 2,31 ha, chiếm 19,48% diện tích đất có mục đích công cộng của phường.

2.3. Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo

Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo đang sử dụng 9,93 ha, chiếm 21,38% diện tích tự nhiên của phường, bao gồm các loại đất sau:

- Đất cơ sở tôn giáo có diện tích 9,67 ha, chiếm 100% diện tích đất cơ sở tôn giáo của phường.

- Đất cơ sở tín ngưỡng có diện tích 0,26 ha, chiếm 100% diện tích đất cơ sở tín ngưỡng của phường.

3. Hiện trạng theo đối tượng quản lý

Tổng diện tích các đối tượng quản lý có 10,09 ha, chiếm 21,71% diện tích tự nhiên của phường, trong đó:

3.1. UBND cấp xã quản lý: có diện tích 0,27 ha, chiếm 0,59% diện tích tự nhiên của phường. Toàn bộ diện tích là đất đồi núi chưa sử dụng, chiếm 100% diện tích đất đồi núi chưa sử dụng của phường.

3.2. Tổ chức phát triển quỹ đất quản lý: có diện tích 0,07 ha, chiếm 0,16% diện tích tự nhiên của phường. Toàn bộ diện tích là đất bằng chưa sử dụng.

3.3. Cộng đồng dân cư và tổ chức khác quản lý: có diện tích 9,74 ha, chiếm 20,96% diện tích tự nhiên của phường, bao gồm các loại đất sau:

- Đất có mục đích công cộng có diện tích 8,95 ha, chiếm 75,42% diện tích đất có mục đích công cộng của phường.

- Đất sông, suối có diện tích 0,79 ha, chiếm 100% diện tích đất sông, suối của phường.

II. Phân tích tình hình biến động đất đai năm 2023 (từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023)

Tổng DTTN đến ngày 31/12/2023 là 46,45 ha so với thống kê đất đai năm 2022 không biến động. Cụ thể, từng mục đích sử dụng đất như sau:

1. Nhóm đất nông nghiệp

- Diện tích năm 2023 là 0,66 ha, không biến động so với năm 2022. Toàn bộ là diện tích đất sản xuất nông nghiệp. Bao gồm các loại đất sau:

1.1. Đất trồng cây hàng năm khác

- Diện tích năm 2023 là 0,36 ha, không biến động so với năm 2022.

1.2. Đất trồng cây lâu năm

- Diện tích năm 2023 là 0,31 ha, không biến động so với năm 2022.

2. Nhóm đất phi nông nghiệp

- Diện tích năm 2023 là 45,44 ha, không biến động so với năm 2022. Bao gồm các loại đất sau:

2.1. Đất ở tại đô thị

- Diện tích năm 2023 là 17,99 ha, không biến động so với năm 2022.

2.2. Đất chuyên dùng

- Diện tích năm 2023 là 16,73 ha, không biến động so với năm 2022.

Bao gồm các loại đất sau:

*** Đất xây dựng trụ sở cơ quan**

- Diện tích năm 2023 là 0,08 ha, không biến động so với năm 2022.

*** Đất quốc phòng**

- Diện tích năm 2023 là 0,12 ha, không biến động so với năm 2022.

*** Đất an ninh**

- Diện tích năm 2023 là 0,02 ha, không biến động so với năm 2022.

*** Đất xây dựng công trình sự nghiệp**

- Diện tích năm 2023 là 1,80 ha, không biến động so với năm 2022.

*** Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp**

- Diện tích năm 2023 là 2,86 ha, không biến động so với năm 2022.

*** Đất có mục đích công cộng**

- Diện tích năm 2023 là 11,87 ha, không biến động so với năm 2022.

2.3. Đất cơ sở tôn giáo

- Diện tích năm 2023 là 9,67 ha, không biến động so với năm 2022.

2.4. Đất cơ sở tín ngưỡng

- Diện tích năm 2023 là 0,26 ha, không biến động so với năm 2022.

2.5. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

- Diện tích năm 2023 là 0,79 ha, không biến động so với năm 2022.

3. Nhóm đất chưa sử dụng

- Diện tích năm 2023 là 0,35 ha, không biến động so với năm 2022.

Bao gồm các loại đất sau:

3.1. Đất bằng chưa sử dụng

- Diện tích năm 2023 là 0,07 ha, không biến động so với năm 2022.

3.2. Đất đồi núi chưa sử dụng

- Diện tích năm 2023 là 0,27 ha, không biến động so với năm 2022.

Trong năm 2023 trên địa bàn phường Phương Sơn không biến động so với năm 2022.

Kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TN&MT thành phố;
- Chi nhánh VPĐKĐĐ TP. Nha Trang;
- Lưu: VT, H.Anh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Thị Như Thùy